

KHOA GIÁO DỤC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 09 năm 2014

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN GIÁO DỤC HỌC
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC, ÁP DỤNG CHO KHOÁ ĐÀO TẠO
TỪ NĂM 2014**

(Đào tạo theo học chế tín chỉ)

1. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA

1.1. Mục tiêu

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cốt lõi liên ngành, cơ sở ngành và chuyên ngành quản lý giáo dục (QLGD) trình độ cử nhân đồng thời người học cũng được rèn luyện các phẩm chất nghề nghiệp, phẩm chất cá nhân và xã hội cùng với các kỹ năng chuyên môn thuộc lĩnh vực giáo dục và quản lý giáo dục.

1.2. Chuẩn đầu ra:

1. Về kiến thức và năng lực nhận thức liên ngành, cơ sở ngành và chuyên ngành

1.1 Kiến thức cốt lõi của khoa học xã hội và nhân văn

1.1.1. Có hiểu biết cơ bản về kiến thức Văn hoá, Lịch sử, ngôn ngữ và truyền thông

1.1.2. Có kiến thức chung về an sinh, phát triển xã hội và về môi trường

1.1.3. Có hiểu biết chung về pháp luật và quyền con người

1.1.4. Vận dụng được các khối kiến thức xã hội và nhân văn vào việc học tập và nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục

1.2 Kiến thức nền tảng của khoa học giáo dục

1.2.1. Hiểu và nắm rõ các kiến thức nền tảng về dạy học và giáo dục.

1.2.2. Có những hiểu biết cơ bản về tâm lý học.

1.2.3. Hiểu và nắm rõ các kiến thức nền tảng về NCKH giáo dục.

1.2.4. Hiểu và nắm rõ các kiến thức nền tảng về kinh tế, xã hội và giáo dục.

1.3 Kiến thức chuyên ngành Quản lý giáo dục

- 1.3.1. Có kiến thức cơ bản về quản lý hành chính- nhà nước trong lĩnh vực giáo dục
- 1.3.2. Nắm được các kiến thức then chốt về quản lý chất lượng giáo dục.
- 1.3.3. Hiểu rõ các kiến thức về quản lý giáo dục theo hệ thống.
- 1.3.4. Nhận biết đầy đủ kiến thức về quản lý giáo dục theo chức năng.
- 1.3.5. Có kiến thức cơ bản về quản lý giáo dục theo hoạt động.

1.4. Mối liên hệ giữa các khối kiến thức

- 1.4.1. Nhận ra điểm tương đồng và nét đặc thù giữa các khối kiến thức của chuyên ngành QLGD.
- 1.4.2. Liên kết kiến thức phục vụ cho hoạt động học tập, nghiên cứu và ứng dụng trong thực tế.

2. Về phẩm chất, kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp

2.1. Phẩm chất cá nhân

- 2.1.1. Có phẩm chất trung thực, chân thành
- 2.1.2. Có tinh thần tự tin, lạc quan
- 2.1.3. Có tinh thần cầu tiến, ham học
- 2.1.4. Có tinh thần chủ động, tự giác, linh hoạt

2.2. Phẩm chất nghề nghiệp

- 2.2.1. Đảm bảo tính khách quan, công bằng
- 2.2.2. Tôn trọng pháp luật, nội qui, kỷ luật
- 2.2.3. Đảm bảo sự kín đáo, bảo mật
- 2.2.4. Có khả năng thấu cảm
- 2.2.5. Đảm bảo tính liêm chính
- 2.2.6. Có đạo đức nghề nghiệp
- 2.2.7. Có tinh thần trách nhiệm đối với công việc và người khác.

2.3. Kỹ năng cá nhân

- 2.3.1. Có kỹ năng tư duy
- 2.3.2. Có kỹ năng tự học
- 2.3.3. Có khả năng thích ứng
- 2.3.4. Có kỹ năng giải quyết vấn đề

2.4. Kỹ năng nghề nghiệp

- 2.4.1. Có kỹ năng nghiên cứu lĩnh vực giáo dục
- 2.4.2. Có kỹ năng sư phạm
- 2.4.3. Có kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục
- 2.4.4. Có kỹ năng đối thoại, hợp tác trong môi trường công việc
- 2.4.5. Có kỹ năng tư vấn giáo dục
- 2.4.6. Có kỹ năng tác nghiệp.

3. Về kỹ năng xã hội

3.1. Kỹ năng giao tiếp

- 3.1.1. Có kỹ năng giao tiếp tốt
- 3.1.2. Có kỹ năng sử dụng ngôn ngữ rõ ràng
- 3.1.3. Sử dụng ngoại ngữ tương đương trình độ được đào tạo
- 3.1.4. Có kỹ năng lắng nghe và gây ảnh hưởng

3.2 Kỹ năng làm việc nhóm

- 3.2.1. Có kỹ năng xây dựng nhóm
- 3.2.2. Có kỹ năng tương tác nhóm
- 3.2.3. Có kỹ năng chia sẻ- hợp tác.

3.3 Kỹ năng sử dụng công nghệ

- 3.3.1. Sử dụng các phần mềm chuyên môn
- 3.3.2. Sử dụng các phương tiện phục vụ nghiên cứu
- 3.3.3. Sử dụng các phương tiện phục vụ giảng dạy

4. Về năng lực ứng dụng trong thực tiễn nghề nghiệp và xã hội

4.1. Năng lực nghiên cứu

- 4.1.1. Phân loại các vấn đề liên quan đến chuyên môn
- 4.1.2. Khái quát hoá được các vấn đề liên quan đến chuyên môn
- 4.1.3. Làm sáng tỏ được các sự kiện, hiện tượng có liên quan đến chuyên môn
- 4.1.4. Đưa ra được các nhận định, đánh giá về các sự kiện, hiện tượng có liên quan đến chuyên môn

4.2. Năng lực giảng dạy

- 4.2.1. Xây dựng kế hoạch giảng dạy
- 4.2.2. Thiết kế nội dung chương trình giảng dạy
- 4.2.3. Hiểu được đặc điểm người học.
- 4.2.4. Tổ chức hoạt động giảng dạy

4.2.5. Xử lý tình huống trong hoạt động dạy học.

4.3. Năng lực quản lý

4.3.1. Lập kế hoạch trong hoạt động của cơ sở giáo dục

4.3.2. Triển khai tổ chức thực hiện các hoạt động theo kế hoạch

4.3.3. Phối hợp thực hiện kế hoạch hoạt động trong cơ quan, đơn vị

4.3.4. Làm được các công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo

4.3.5. Đưa ra được những đề xuất, kiến nghị để nâng cao hiệu quả thực hiện các công việc liên quan đến chuyên ngành được đào tạo

4.4. Năng lực tư vấn

4.4.1. Nắm bắt vấn đề thông thường phát sinh trong lĩnh vực công tác

4.4.2. Phát hiện tìm ra nguyên nhân của vấn đề

4.4.3. Đề xuất biện pháp giải quyết vấn đề

4.4.4. Thuyết phục, tạo dựng niềm tin nơi đối tác.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3,5 năm đến 6 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:

Sinh viên phải tích lũy tối thiểu 146 tín chỉ (chưa kể Giáo Dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) mới được xét tốt nghiệp.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Học sinh đã TN Phổ Thông Trung Học

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

Đào tạo theo quy trình đào tạo đại học chính quy tập trung

Đào tạo theo tín chỉ, sinh viên được xét tốt nghiệp khi tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của chương trình.

6. THANG ĐIỂM:

Thang điểm trên 10, làm tròn đến 0,5.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Khối Kiến Thức Đại Cương

I. Khối Kiến Thức Đại Cương				Ghi chú
1. Khối kiến thức bắt buộc (39 TC)				
STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học	Chuyên Ngành QLGD	
1.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	DAI012	2	KH 1, ĐỢT 1

2.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	DAI003	3	HK 4, ĐỢT 2
3.	Lịch sử văn minh thế giới	DAI016	3	HK1, ĐỢT 2
4.	Đại cương khoa học nhận thức		3	HK1, ĐỢT 2
5.	Phương pháp học đại học	DAI006	2	HK 1, ĐỢT 1
6.	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1	DAI001	3	HK 1, ĐỢT 1
7.	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 2 3	DAI002	2	HK 2, ĐỢT 1
8.	Tư duy hiệu quả		2	HK 2, ĐỢT 2
9.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DAI004	2	HK 4, ĐỢT 1
10.	Xã hội học đại cương	DAI021	2	HK 2, ĐỢT 1
11.	Pháp luật đại cương	DAI024	2	
12.	Tin học đại cương		3 (SV tự tích lũy)	X
13.	Ngoại ngữ		10 (SV tự tích lũy)	X
Tổng:			39	
2. Khôi kiến thức Tự Chọn (6 - 8 TC)				
1.	Logic học đại cương	DAI020	2	
2.	Phương pháp luận sáng tạo		2	HK 3, ĐỢT 1
3.	Quản trị học căn bản *	QT01	3	Khoa Kinh tế, Trường ĐH Kinh tế Luật
	Quản trị cơ bản *	DUL037	3	BM Du lịch - HCMUSSH
	Quản trị học đại cương *	LUU027	2	BM Lưu trữ học- HCMUSSH
4.	Đạo đức học		2	HK 4, ĐỢT 2
5.	Triết học đại cương		3	HK 1, ĐỢT 2
6.	Kinh tế học đại cương	DAI026	2	
7.	Thực hành văn bản Tiếng Việt	DAI015	2	
8.	Tôn giáo học đại cương	DAI029	2	
9.	Mỹ học đại cương	DAI025	2	
10.	Nhân học đại cương	DAI023	2	

11.	Tiền trình lịch sử Việt Nam	DAI017	3	
12.	Môi trường và phát triển	DAI006	2	
13.	Chính trị học đại cương	DAI028	2	

7.2. Khối Kiến thức cơ sở ngành

Các môn học bắt buộc (45 tín chỉ)

STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học	Số tín chỉ	Ghi chú
1.	Cơ sở pháp lý trong hoạt động giáo dục		3	Đổi từ môn LGD-LLĐ Thêm 2 nd mới: (1) Điều lệ trường học và (2) Luật Giáo dục đại học
2.	Đại cương Khoa học Quản lý	GDH004	2	
3.	Giáo dục học đại cương	GDH010	3	
4.	Tham quan thực tế		2	Môn mới – 60 tiết
5.	Lịch Sử Giáo dục		3	Ghép lại từ môn LSGD VN và LSGD TG
6.	Lý luận dạy học	GDH019	3	
7.	Lý luận Giáo dục	GDH020	3	
8.	Nhập môn kinh tế học giáo dục		2	Đổi từ tên cũ là Kinh tế học giáo dục
9.	Phương pháp NCKH giáo dục		3	60 tiết
10.	Tâm lí học đại cương		3	60 tiết
11.	Tâm lí học phát triển	TLH028	3	
12.	Thống kê ứng dụng trong giáo dục	GDH037	3	60 tiết

13.	Tiếng Anh cơ sở ngành 1		3	Môn mới: 75 tiết
14.	Tiếng Anh cơ sở ngành 2		3	Môn mới: 75 tiết
15.	Xử lý dữ liệu nghiên cứu trong KHGD	DAI045	3	
16.	Nhập môn Xã hội học giáo dục	GDH044	2	Đổi từ tên môn học cũ là Xã hội học GD
Tổng			42	

Các môn học tự chọn (tích lũy tối thiểu 09 tín chỉ)

STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học	Số tín chỉ	Ghi chú
1.	Lịch sử tâm lý học	TLH007	3	
2.	Giáo dục cộng đồng	GDH007	2	
3.	Giáo dục dân số môi trường	GDH008	2	
4.	Giáo dục gia đình	GDH009	2	
5.	Giáo dục suốt đời	GDH012	2	
6.	Lý luận giáo dục lại	GDH021	3	
7.	Lý thuyết học tập		2	Môn mới
8.	Ứng dụng tin học trong công tác văn phòng, văn thư và lưu trữ		2	Bộ môn Lưu trữ học- Quản Trị văn phòng, HCMUSSH.
9.	Sinh lý học thần kinh	GDH031	3	
10.	Tâm lý học thần kinh	TLH031	3	
11.	Tâm lý học xã hội	TLH034	3	

7.3. Khối Kiến thức Chuyên ngành

Các môn học bắt buộc(36 tín chỉ)

STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học	Số tín chỉ	Ghi Chú
1.	Giáo dục so sánh		3	Đổi từ tên môn học cũ là <i>GDH SS</i>
2.	Lãnh đạo và quản lý Giáo dục	GDH015	3	
3.	Marketing trong Giáo dục	GDH022	2	
4.	Kiến tập nghề nghiệp		3	Môn mới bổ sung: 90 tiết
5.	Nhập môn chính sách giáo dục	GDH001	2	Đổi từ tên môn học cũ là <i>Chính sách- chiến lược giáo dục</i>
6.	Quản lý chất lượng giáo dục		2	Đổi từ tên môn học cũ là <i>Đánh giá và QLCLGD</i>
7.	Quản lý nhà nước về giáo dục		2	Môn mới
8.	Quản lý dự án giáo dục	GDH026	2	
9.	Quản trị nguồn nhân lực trong Giáo dục	GDH028	3	Đổi từ tên môn học cũ là <i>Quản lý và phát triển nguồn nhân lực trong GD</i>
10	Quản lý tài chính trong giáo dục		2	Đổi từ tên môn học cũ là <i>Quản lý tài chính, ngân sách trong GD</i>
11	Quản lý trường học	GDH030	3	
12	Tâm lý học quản lý	TLH029	3	

13	Thực tập chuyên ngành	GDH036	5	150 tiết
14	Tiếng Anh chuyên ngành 1		2	Môn mới: 60 tiết
15	Tiếng Anh chuyên ngành 2		2	Môn mới: 60 tiết
Tổng			36	

Các môn học tự chọn (SV tích lũy tối thiểu 12 tín chỉ)

STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học	Số tín chỉ	Ghi Chú
1.	Hành chính công *	TRI112	3	Khoa Triết học
	Chính sách công*	CS01	3	Khoa Kinh tế -ĐH Kinh tế Luật
	Chính sách công*	TRI112	3	Khoa Triết học - HCMUSSH
2.	Công tác đoàn – đội	GDH002	2	45 tiết
3.	Công tác xã hội	GDH003	2	
4.	Công tác xã hội trong trường học	CXH006	2	Khoa Công tác xã hội
5.	Công tác xã hội với gia đình và trẻ em	CXH009	2	Khoa Công tác xã hội
6.	Đánh giá kết quả học tập	GDH005	2	
7.	Giáo dục đặc biệt		3	Điều chỉnh, kết hợp từ 2 môn <i>TLH trẻ khuyết tật</i> và <i>GD trẻ khuyết tật</i>
8.	Khoá luận tốt nghiệp (hoặc học bổ túc 10 TC môn tự chọn chuyên ngành)		10	
9.	Kỹ năng cơ bản trong tổ chức và phát triển cộng đồng	CXH043	3	Khoa Công tác xã hội, HCMUSSH

10	Lý thuyết và kỹ thuật xây dựng test	TLH008	3	Khoa Tâm lý học, HCMUSSH
11	Nhập môn quan hệ công chúng	DAI041	2	
12	Phương pháp giảng dạy	GDH023	2	
13	Quản lý hoạt động phối hợp trong giáo dục		2	
14	Quản trị hành chính văn phòng *	QT17	3	Khoa Kinh tế, Trường ĐH Kinh tế-Luật
15				
16	Tâm lý học lệch chuẩn	TLH024	3	
17	Tâm lý học truyền thông		3	
18	Tâm lý học giao tiếp	TLH015	3	
19	Tâm lý học lao động		3	
20	Tâm lý học sư phạm	GDH032	3	
21	Tâm lý nhân sự	TLH035	3	Khoa Tâm lý học, HCMUSSH
22	Tâm lý và GD giới tính	GDH033	3	
23	Tham vấn học đường		3	
24	Tham vấn hướng nghiệp		2	
25	Tham vấn tâm lý 1		3	
26	Tham vấn tâm lý 2		3	
27	Thanh tra giáo dục	GDH035	2	
28	Trắc nghiệm khách quan	GDH039	2	
29	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	GDH043	2	

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Khối kiến thức bắt buộc :

Cơ sở ngành (45 TC)

Chuyên ngành (36 TC)

Khối kiến thức tự chọn:

Cơ sở ngành (tối thiểu 9 TC)

Chuyên ngành (tối thiểu 12 TC)

Học Kỳ	STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học	Số tín chỉ	Chuyên Ngành QLGD	Ghi chú (1 tín chỉ lí thuyết =15 tiết; 1 thực hành = 30 tiết)
HỌC KỲ 1	1.	Sinh lý học thần kinh	GDH031	3	T ự chọn	
	2.	Tâm lí học đại cương		3	Bắt buộc	2 LT + 1 TH
	3.	Khoa học nhận thức		3	Bắt buộc	Đợt 2
	4.	Phương pháp học đại học		2	Bắt buộc	1 LT + 1 TH
HỌC KỲ 2	1.	Giáo dục học đại cương	GDH010	3	Bắt buộc	
	2.	Lý luận dạy học	GDH019	3	Bắt buộc	
	3.	Tư duy hiệu quả		2	Bắt buộc	Đợt 2
	4.	Lý thuyết học tập		2	T ự chọn	Đợt 1
HỌC KỲ 3	1.	Lý luận Giáo dục	GDH020	3	Bắt buộc	
	2.	Thống kê ứng dụng trong giáo dục	GDH037	3	Bắt buộc	2 LT + 1 TH
	3.	Lịch sử tâm lí học	TLH007	3	T ự chọn	
	4.	Tiếng anh cơ sở ngành 1		3	Bắt buộc	1 LT + 2 TH
	5.	Phương pháp luận sáng tạo	GDH024	2	T ự chọn	
HỌC KỲ 4	1.	Cơ sở pháp lý trong hoạt động giáo dục		3	Bắt buộc	
	2.	Tâm lí học phát triển	TLH028	3	Bắt buộc	
	3.	Xử lí dữ liệu nghiên cứu trong KHGD		3	Bắt buộc	Thay môn: SPSS

	4.	Phương pháp NCKH giáo dục		3	Bắt buộc	2 LT + 1 TH
	5.	Lịch Sử Giáo dục		3	Bắt buộc	
	6.	QL nhà nước về GD		2	Bắt buộc	Đợt 2
	7.	Tiếng anh cơ sở ngành 2		3	Bắt buộc	1 LT + 2 TH
	8.	Giáo dục dân số môi trường	GDH008	2	Tự chọn	Đợt 2
	9.	Tâm lý học thần kinh	TLH031	3	Tự chọn	Đợt 2
HỌC KỲ 5	1.	Đại cương Khoa học Quản lý	GDH004	2	Bắt buộc	
	2.	Lãnh đạo và quản lý Giáo dục	GDH015	3	Bắt buộc	Đợt 2
	3.	Nhập môn Xã hội học giáo dục		2	Bắt buộc	Thay môn: Xã hội học GD
	4.	Tâm lý học xã hội	TLH034	3	Tự chọn	
	5.	Tâm lý học lệch chuẩn	TLH024	3	Tự chọn	Đợt 2
	6.	Giáo dục gia đình	GDH009	2	Tự chọn	
	7.	Công tác đoàn – đội	GDH002	2	Tự chọn	1 LT + 1TH, Đợt 2
	8.	Kiến tập nghề nghiệp		3	Bắt buộc	3 TH - ĐỢT 2
	9.	Tiếng anh chuyên ngành 1		2	Bắt buộc	2 TH
HỌC KÌ 6	1.	Nhập môn kinh tế học giáo dục		2	Bắt buộc	
	2.	Nhập môn chính sách giáo dục	GDH001	3	Bắt buộc	
	3.	Tâm lý học quản lý	TLH029	3	Bắt buộc	
	4.	Tham vấn tâm lý 1		3	Tự chọn	
	5.	Tâm lý giao tiếp	TLH015	3	Tự chọn	
	6.	Tâm lý và giáo dục giới tính	GDH033	3	Tự chọn	

	7.	Quản lý nguồn nhân lực trong Giáo dục	GDH028	3	Bắt buộc	ĐỢT 2
	8.	Tiếng anh chuyên ngành 2		2	Bắt buộc	2 TH
	9.	Giáo dục đặc biệt		3	Tự chọn	
	10.	Giáo dục suốt đời	GDH012	2	Tự chọn	
	11.	Khoá luận tốt nghiệp hoặc học bổ túc			Tự chọn	
HỌC KÌ 7	1.	Quản lý tài chính trong giáo dục		2	Bắt buộc	
	2.	Quản lý trường học	GDH030	3	Bắt buộc	
	3.	Quản lý chất lượng trong giáo dục		2	Bắt buộc	Thay môn: Đánh giá & QLCLGD
	4.	Marketing trong Giáo dục	GDH022	2	Bắt buộc	
	5.	Tâm lý học sư phạm		3	Tự chọn	Đợt 2
	6.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	GDH043	2	Tự chọn	Đợt 2
	7.	Tham vấn học đường		3	Tự chọn	
	8.	Phương pháp giảng dạy	GDH023	2	Tự chọn	
	9.	Tham vấn tâm lí 2		3	Tự chọn	
HỌC KÌ 8	1.	Thực tập chuyên ngành	GDH036	5	Bắt buộc	5 TH =150 tiết
	2.	Quản lý dự án giáo dục	GDH026	2	Bắt buộc	
	3.	Giáo dục so sánh		3	Bắt buộc	
HỌC KÌ HÈ	1.	Giáo dục cộng đồng	GDH007	2	Tự chọn	HK HÈ sau học kì 2
	2.	Công tác xã hội	GDH003	2	Tự chọn	HK HÈ sau học kì 2
	3.	Nhập môn quan hệ công chúng	DAI041	2	Tự chọn	HK Hè sau học kì 2
	4.	Đánh giá kết quả học tập	GDH005	2	Tự chọn	HK Hè sau học kì 4

5.	Trắc nghiệm khách quan	GDH039	2	Tự chọn	HK Hè sau học kì 4
6.	Lý luận giáo dục lại	GDH021	3	Tự chọn	HK Hè sau học kì 4 – xem lại
7.	Thanh tra giáo dục	GDH035	2	Tự chọn	HK Hè sau học kì 6
8.	Quản lý hoạt động phối hợp giáo dục		2	Tự chọn	HK Hè sau học kì 6
9.	Tâm lý học lao động		3	Tự chọn	
10	Tham vấn hướng nghiệp		2	Tự chọn	

(Sinh viên tự đăng kí học tại các khoa và các học kì gọi ý trong cột ghi chú, cột học kì)

HỌC KÌ	STT	Tên Môn Học	Mã Môn Học		Chuyên Ngành QLGD	Ghi chú
HỌC KÌ 4	1	Ứng dụng công tác văn phòng, văn thư và lưu trữ			Tự chọn	BM Lưu trữ học - QT văn phòng.
HỌC KÌ 5 HOẶC 6	1.	Chính sách công	TRI112	3	Tự chọn	Khoa Triết học
	2.	Chính sách công	CS01	3	Tự chọn	Khoa Kinh tế - ĐH Kinh tế Luật
	3.	Hành chính công		4	Tự chọn	BM Lưu trữ học - QT văn phòng.
	4.	Quản trị hành chính văn phòng	QT17	3	Tự chọn	Lưu trữ học - Quản trị VP - ĐHKHXHNV
	5.	Tâm lí nhân sự	TLH035		Tự chọn	Khoa Tâm lí học
HỌC KÌ 7 HOẶC 8	1.	Công tác xã hội trong trường học	CXH006		Tự chọn	Khoa Công tác xã hội
	2.	Công tác xã hội với gia đình và trẻ em	CXH009		Tự chọn	Khoa Công tác xã hội
	3.	Kỹ năng cơ bản trong tổ chức và phát triển cộng đồng	CXH043		Tự chọn	Khoa Công tác xã hội
	4	Lý thuyết và kỹ thuật xây dựng test	TLH008		Tự chọn	Khoa Tâm lí học

9. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC HỌC PHẦN:

9.1 Tâm Lý Học Đại cương :

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Sinh viên phải học qua môn Triết học và Sinh lí học thần kinh.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Sinh viên hiểu rõ kiến thức về sinh lý học thần kinh cấp cao của con người, kiến thức về cuộc sống xã hội phong phú, có kỹ năng quan sát cử chỉ, hành vi của mọi người xung quanh trong cuộc sống hàng ngày.

Mô tả vấn tắt nội dung môn học:

- Giới thiệu về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu tâm lý học nói chung.
- Vài nét về lịch sử hình thành tâm lý học.
- Bản chất của hiện tượng tâm lý người.
- Những đặc điểm đặc trưng của các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người: các quá trình nhận thức, tình cảm, ý chí và nhân cách.

9.2 Sinh lí học thần kinh :

9.3 Lý thuyết học tập :

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương

Mô tả vấn tắt nội dung môn học:

- Trong môn học này, học viên cùng khám phá các tiếp cận lý thuyết khác về học tập, nhận thức và sự phát triển nhận thức. Một lý thuyết đơn lẻ không thể phản ánh được tất cả các khía cạnh khác nhau về học tập và nhận thức của con người. Từ cách xem xét các lý thuyết khác nhau, học viên có thể xác định các nguyên lý, cách tiếp cận, và công cụ để hiểu về học tập và giảng dạy trong các bối cảnh đa dạng.

9.4 Giáo dục học đại cương:

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức cơ bản về Tâm lý học Đại cương và Triết học

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học và các khái niệm cơ bản của giáo dục học; vai trò của giáo dục đối với sự phát triển con người và xã hội; những vấn đề lý luận về triết lý, nguyên lý giáo dục, mục tiêu giáo dục; quan điểm, chiến lược phát triển giáo dục và việc tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

9.5 Lý luận dạy học:

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Giáo dục học đại cương, Tâm lý học đại cương.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: làm việc nhóm, thuyết trình

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học bao gồm những nội dung về quá trình dạy học, các nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học và các hình thức tổ chức dạy học.

9.6 Lý luận Giáo dục

Điều kiện tiên quyết:

- Sinh viên đã học Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương và Lý luận dạy học.

Mô tả vắn tắt nội dung của môn học:

- Nội dung môn học đề cập đến những vấn đề cơ bản về bản chất, cấu trúc, đặc điểm, nguyên tắc, các nhiệm vụ và nội dung của quá trình giáo dục với tư cách là quá trình được tổ chức có mục đích nhằm vào hình thành những giá trị xã hội và phẩm chất nhân cách cho người được giáo dục. Đồng thời, người học cũng sẽ được trang bị những kiến thức về phương pháp giáo dục.

9.7 Thống kê ứng dụng trong giáo dục

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Có kiến thức căn bản về toán học phổ thông và phương pháp nghiên cứu khoa học.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: tính toán, làm việc nhóm.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học bao gồm những nội dung về khái niệm căn bản trong nghiên cứu và thống kê; thu thập dữ liệu thống kê; tóm tắt và trình bày dữ liệu; các số thống kê thông dụng; các hệ số tương quan; hồi qui tuyến tính; kiểm định về tham số tổng thể; phân tích phương sai một yếu tố và kiểm định chi bình phương.

9.8 Tâm lý học xã hội

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: sinh viên đã học môn Tâm lý học đại cương.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng:
 - + Sinh viên phải có kiến thức về các hiện tượng tâm lý người.
 - + Sinh viên phải có kỹ năng nhận diện các hiện tượng tâm lý người.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học cung cấp những kiến thức về các hiện tượng tâm lý - xã hội nảy sinh trong một nhóm người, tập thể, cộng đồng (xung đột, tương hợp, không khí tâm lý, tin đồn, dư luận xã hội, truyền thống,...) và các quy luật tương tác, ảnh hưởng qua lại đa dạng giữa người với người, giữa các nhóm người cùng với những yếu tố khách quan, chủ quan tạo nên sự đa dạng trong quan hệ.

9.9 Tiếng anh cơ sở ngành 1

Điều kiện tiên quyết

- Môn học tiên quyết: Hoàn thành Tiếng Anh Tổng quát Cấp độ A1.2
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: 1). Ngữ pháp và từ vựng: các thì hiện tại đơn/tiếp diễn, quá khứ đơn/tiếp diễn, và tương lai đơn/tiếp diễn, mẫu câu đơn, nouns, adjectives, verbs, và kiến thức từ vựng về cuộc sống hằng ngày; 2). Nghe/Nói/Đọc/Viết: các chủ đề về cuộc sống hằng ngày, có sử dụng kiến thức ngữ pháp và từ vựng ở mục 1).

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Học phần này chủ yếu giúp sinh viên nghe/nói/đọc/viết các chủ đề đơn giản về giáo dục và dịch các tài liệu liên quan. Chương 1: Parental education. Chương 2: School life. Chương 3: School choice. Chương 4: Classrooms.

Chương 5: Teaching and learning processes. Chương 6: Educational achievements.

9.10 Cơ sở pháp lý trong hoạt động giáo dục

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Sinh viên phải học qua môn Giáo dục học đại cương, Pháp luật đại cương, Tâm lý lứa tuổi.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Sinh viên có hiểu biết chung về hoạt động giáo dục, khoa học giáo dục; những kiến thức cơ bản về pháp luật nói chung, hiểu biết về đặc điểm tâm lý của con người qua các giai đoạn lứa tuổi; giải quyết các tình huống thông thường trong lĩnh vực pháp luật nói chung.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học hướng tới nghiên cứu những nội dung: Học phần này được thiết kế cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản và khá toàn diện về những cơ sở pháp lý mang tính chỉ đạo và định hướng quá trình thực hiện những hoạt động giáo dục, hoạt động của nhà trường và hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam hiện nay. Cụ thể, học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên nội dung cơ bản của các văn bản luật và dưới luật có liên quan trực tiếp đến hoạt động giáo dục như: Luật Giáo Dục Việt Nam, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ nhà trường các cấp. Bên cạnh đó, môn học này sẽ giúp sinh viên có cái nhìn khái quát về những quy định chung (điều, khoản) về lao động trong nền kinh tế thị trường: hợp đồng lao động, quyền và nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động, kỷ luật lao động, bảo hiểm xã hội, giải quyết tranh chấp lao động, tiền lương được thể hiện trong Luật Lao Động.

9.11 Xử lý dữ liệu nghiên cứu trong KHGD

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, xác suất thống kê trong giáo dục, tin học cơ bản.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: tính toán, làm việc nhóm.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học gồm 5 chương giới thiệu cho sinh viên những kiến thức tổng quát về SPSS, hình thành kỹ năng khai báo biến, nhập liệu, xử lý dữ liệu theo yêu cầu nghiên cứu (mô tả dữ liệu, kiểm định mối liên hệ giữa các biến).

9.12 Phương pháp NCKH giáo dục

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Lý luận giáo dục, Lý luận dạy học, Thống kê trong giáo dục, Tin học ứng dụng (học song song).
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: tin học cơ bản.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Giới thiệu khái quát về các bước thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục và quy trình thực hiện các phương pháp nghiên cứu cụ thể. Hình thành kỹ năng nghiên cứu cơ bản trong một đề tài khoa học giáo dục cụ thể.

9.13 Lịch Sử Giáo dục

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Sinh viên phải có kiến thức của các môn học: Giáo dục học đại cương, Lý luận giáo dục, Lý luận dạy học, Lịch sử văn minh
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: kỹ năng thu thập tài liệu, kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý thông tin.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học

- Học phần này được thiết kế cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản và toàn diện về quá trình hình thành và phát triển của nền giáo dục thế giới và Việt Nam theo phân kỳ lịch sử. Giúp sinh viên nhận diện và phân tích được những đặc điểm tiêu biểu của giáo dục và những tư tưởng giáo dục tiêu biểu qua các thời kỳ lịch sử. Từ đó vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm lịch sử để nhìn nhận, phân tích, đánh giá và giải quyết những vấn đề của giáo dục hiện tại.

9.14 QL nhà nước trong GD

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Giáo dục học đại cương và Đại cương khoa học quản

lý, Cơ sở pháp lý trong quản lý giáo dục, Lãnh đạo và quản lý giáo dục

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Cấu trúc của học phần gồm 5 chương cung cấp cho sinh viên hệ thống lý thuyết cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo. Học phần tổng hợp và phân tích các yếu tố quan trọng như công cụ, hình thức, phương pháp trong quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên tầm nhìn tổng thể và chi tiết bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo Việt Nam, đồng thời phân tích các nội dung cơ bản và xu hướng đổi mới về quản lý nhà nước trong giáo dục và đào tạo hiện nay.

9.15 Phương pháp luận sáng tạo

9.16 Tiếng anh cơ sở ngành 2

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Hoàn thành tiếng Chuyên ngành Giáo dục 1
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: 1). Ngữ pháp và từ vựng: các thì hiện tại tiếp diễn/hoàn thành, quá khứ tiếp diễn/hoàn thành, và tương lai tiếp diễn/hoàn thành, verbs, gerunds, infinitives, prepositions, adverbs, mẫu câu kép, và kiến thức từ vựng về đời các chủ đề trong Tiếng Anh Chuyên ngành Giáo dục 1; 2). Nghe/Nói/Đọc/Viết: các chủ đề về đời sống học đường có sử dụng kiến thức ngữ pháp và từ vựng ở mục 1).

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Học phần này chủ yếu giúp sinh viên nghe/nói/đọc/viết các chủ đề tương đối phức tạp và dịch các chủ đề liên quan. Chương 1: Development psychology. Chương 2: Special education. Chương 3: Financing education. Chương 4: School management. Chương 5: Human resources management in education. Chương 6: Education policy

9.17 Giáo dục dân số môi trường

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung của môn học:

- Qua môn học này, có thể phát triển ở sinh viên kỹ năng sử dụng các tư liệu về giáo dục dân số, giáo dục môi trường và áp dụng các phương pháp tuyên truyền, giáo dục dân số, môi trường trong cộng đồng. Hiểu được những đặc điểm cơ bản về dân số như : định nghĩa, thành tố, quy trình và kết cấu dân số đối với Việt Nam, khu vực và thế giới. Các hiểu biết cơ bản về hệ thống những vấn đề liên quan tới môi trường và bảo vệ gìn giữ môi trường. Nắm được thực trạng và mối quan hệ giữa dân số, môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

9.18 Lãnh đạo và quản lý Giáo dục

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Giáo dục học đại cương và Đại cương khoa học quản lý, Cơ sở pháp lý trong quản lý giáo dục.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Cấu trúc của học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên hệ thống lý thuyết cơ bản về lãnh đạo và quản lý giáo dục. Môn học cũng phân tích quá trình quản lý giáo dục và cung cấp một số các kỹ năng cơ bản trong hoạt động của quá trình quản lý, các khái niệm cơ sở về tổ chức và văn hóa tổ chức gắn liền với lãnh đạo và quản lý giáo dục. Nội dung môn học cung cấp cho sinh viên tầm nhìn tổng thể và chi tiết về hệ thống giáo dục quốc dân, một số vấn đề trong thực tế quản lý giáo dục hiện nay và xu hướng đổi mới quản lý giáo dục ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập hiện nay và trong tương lai.

9.19 Nhập môn Xã hội học giáo dục

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Xã hội học đại cương
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: tiếng Anh căn bản

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận của xã hội học giáo dục bao gồm lịch sử, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu xã hội học giáo dục; vị trí, vai trò của xã hội học giáo dục và đặc trưng nghiên cứu của xã hội học giáo dục. Những nội dung chính của môn học gồm có mối quan hệ giữa cấu

trúc xã hội và giáo dục; vấn đề bình đẳng xã hội trong giáo dục; mối quan hệ giữa giáo dục và một số thiết chế cơ bản của xã hội; mối quan hệ giữa dân số và giáo dục; và vấn đề xã hội hóa giáo dục.

9.20 Tâm lý học lệch chuẩn

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Tâm lý học đại cương, Tâm lý học phát triển, Tâm lý học nhân cách

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn Tâm lý học lệch chuẩn nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những bất thường trong hành vi con người dưới góc độ tâm lý học, từ đó giúp sinh viên xây dựng cái nhìn nhân văn, đa chiều về hành vi và tâm lý người, hỗ trợ cho thực tế công việc sau này.

9.23 Tâm lý học thần kinh

9.24 Giáo dục gia đình

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Tâm lý học đại cương, Giáo dục học đại cương, Tâm lý học phát triển

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn Giáo dục gia đình gồm phần dẫn nhập và 4 chương. Phần dẫn nhập giới thiệu lịch sử, nguồn gốc của giáo dục gia đình, khái niệm gia đình, các loại hình gia đình, và phương pháp nghiên cứu giáo dục gia đình. Chương 1 và 2 trình bày về giáo dục trong gia đình: phong cách giáo dục, các tác nhân chính trong giáo dục, tương quan trong gia đình, quan hệ giữa gia đình và xã hội. Chương 3 đề cập đến những bất ổn trong hoạt động giáo dục của cha mẹ và trẻ bị ngược đãi. Chương 4 tập trung nghiên cứu về giáo dục gia đình ở VN: giáo dục gia đình từ truyền thống đến hiện đại và những thách thức hiện nay của cha mẹ trong chức năng giáo dục.

9.25 Công tác đoàn – đội

Điều kiện tiên quyết:

- Sinh viên đã học xong các học phần Triết học; Tâm lí học đại cương; Giáo dục học đại cương; Lí luận giáo dục.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Phần 1. Lí luận và nghiệp vụ công tác Đoàn - Đội.
- Phần 2. Một số kỹ năng cơ bản về Công tác Đoàn - Đội.
- Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lí luận và nghiệp vụ công tác Đoàn - Đội. Định hướng được công tác Đoàn - Đội trong các đơn vị, nhà trường phổ thông hiện nay. Sinh viên có kỹ năng cần thiết trong việc tổ chức hoạt động Đoàn - Đội trong các đơn vị, nhà trường phổ thông hiện nay. Từ đó, sinh viên chủ động, tích cực và tự giác trong học tập và rèn luyện.

9.26 Kiến tập nghề nghiệp

Điều kiện tiên quyết :

- Sinh viên đã có kiến thức về lý luận dạy học, lý luận giáo dục, giáo dục học đại cương và đại cương khoa học quản lý, lãnh đạo và quản lý giáo dục, quản lý trường học.

Mục tiêu:

- Trên cơ sở thu thập thông tin thực tế dưới nhiều hình thức khác nhau, sv sẽ có được bức tranh chung về những thành quả và khó khăn của hoạt động giảng dạy, giáo dục và quản lý nhà trường tại cơ sở kiến tập, bước đầu hình thành cho SV những cơ sở nền tảng của tình cảm và ý thức thức nghề nghiệp.

9.27 Tiếng anh chuyên ngành 1

Điều kiện tiên quyết

- Môn học tiên quyết: Hoàn thành Tiếng Anh Chuyên ngành Giáo dục 2
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: 1). Ngữ pháp và từ vựng: các thì hiện tại hoàn thành/hoàn thành tiếp diễn, quá khứ hoàn thành/hoàn thành tiếp diễn, và tương lai hoàn thành/hoàn thành tiếp diễn, phrasal verbs, conjunctions, clauses, mẫu câu phức, và kiến thức từ vựng về các lĩnh vực học thuật đã đề cập ở Tiếng Anh Chuyên ngành Giáo dục 2; 2). Nghe/Nói/Đọc/Viết: các chủ đề về các lĩnh vực học thuật ở Tiếng Anh

chuyên ngành Giáo dục 2 và sử dụng kiến thức ngữ pháp và từ vựng ở mục 1).

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Học phần này chủ yếu giúp sinh viên nghe/nói/đọc/viết và dịch các chủ đề phức tạp trong lĩnh vực tâm lý học giáo dục và quản lý giáo dục. Chương 1: Pedagogical psychology. Chương 2: Psychometrics. Chương 3: Applied statistics to education. Chương 4: Educational research methodology. Chương 5: Qualitative research in education. Chương 6: Quantitative research in education.

9.28 Giáo dục suốt đời

Điều kiện tiên quyết:

- Để học được môn này, SV phải hoàn tất môn học: Lý luận dạy học, Giáo dục học đại cương, Tâm lý học phát triển, Luật giáo dục, sẽ thuận lợi nếu SV cũng hoàn tất môn chính sách chiến lược giáo dục và giáo dục so sánh
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kiến thức cơ bản về hệ thống giáo dục Việt Nam.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học giới thiệu, phân tích khái niệm giáo dục suốt đời và những khái niệm tương tự hoặc có liên quan, vai trò và ý nghĩa của giáo dục suốt đời trong thời đại hội nhập. Môn học cũng khái quát các loại hình và tổ chức giáo dục suốt đời ở một số nước/khu vực trên thế giới. Phần thực hành định hướng cho sinh viên biết cách phân tích, tìm hiểu, nghiên cứu thực trạng và các loại hình giáo dục suốt đời ở Việt Nam, tại một địa phương cụ thể ở thành phố HCM qua các chuyến đi thực tế như tham quan các trung tâm giáo dục thường xuyên, nhà văn hóa,... đánh giá hiệu quả của những hoạt động giáo dục suốt đời, từ đó đưa ra được các đề xuất cụ thể cho các chính sách, các chương trình vận động, quản lý giáo dục phi chính quy/giáo dục thường xuyên, các giải pháp tạo điều kiện thúc đẩy giáo dục suốt đời. Đồng thời SV cũng được cung cấp một số bài tập thực hành để rèn luyện cho các kỹ năng cần thiết cho việc tự học suốt đời như kỹ năng thông tin, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian, kỹ năng giao tiếp,...

9.29 Nhập môn kinh tế học giáo dục

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học này bao gồm những nội dung cơ bản về cộng đồng và giáo dục cộng đồng, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển cộng đồng, các nguyên tắc cơ bản trong giáo dục cộng đồng, mô hình và các bước trong quy trình giáo dục cộng đồng, các kỹ năng và phương pháp để thực hiện tổ chức buổi sinh hoạt giáo dục cộng đồng.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Khóa học này giới thiệu đến sinh viên về mối quan hệ giữa giáo dục và kinh tế theo cách tiếp cận vốn con người qua các nhóm chủ đề: lợi ích kinh tế và phi kinh tế của giáo dục, chức năng sản xuất của giáo dục, hình thành một lớp học tối ưu, lựa chọn trường học, bình đẳng và công bằng trong giáo dục, chỉ báo năng lực trên thị trường lao động, và vốn con người trong toàn cầu hóa.

9.30 Giáo dục so sánh

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Lịch sử giáo dục, GDH đại cương, Khoa học quản lý, Lý luận giáo dục
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: kỹ năng thu thập tài liệu, kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý thông tin.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học này được thiết kế gồm 3 chương cho sinh viên năm 3 hoặc năm 4 của Khoa Giáo dục. Môn học đi sâu vào phân tích và so sánh tình hình thực tiễn giáo dục của Việt nam với các quốc gia và giữa các quốc gia trên thế giới với nhau. Mặt khác, môn học sẽ giới thiệu, phân tích những vấn đề của GDSS như là một lĩnh vực khoa học, và cung cấp các lý thuyết, phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận và tiêu chí trong nghiên cứu GDSS.

9.31 Nhập môn chính sách giáo dục

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Kinh tế học giáo dục, Khoa học quản lý, Lãnh đạo và quản lý giáo dục, Quản lý trường học
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: kỹ năng thu thập tài liệu, kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý thông tin.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học này được thiết kế gồm 4 chương cho sinh viên năm 4 của chuyên ngành QLGD. Môn học đi sâu vào phân tích những vấn đề thực trạng về các chính sách giáo dục đang thực hiện tại cơ sở giáo dục Việt Nam; từ đó, đưa ra những đánh giá, kết luận cho các chính sách giáo dục đó. Môn học cũng giới thiệu cho sinh viên những kiến thức về chính sách, phân tích chính sách và chính sách giáo dục. Ngoài ra, môn học này còn cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về mối tương quan giữa chính sách giáo dục với vốn con người, công bằng xã hội, và quyền tự chủ trong nhà trường.

9.32 Tâm lý học quản lý

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Tâm Lý Học Đại Cương, Tâm Lý Học Xã Hội, Tâm Lý Học Giao Tiếp, Đại Cương Khoa Học Quản Lý
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Hiểu biết về các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người nói chung; các quy luật tâm lý của các nhóm xã hội, những kiến thức, kỹ năng giao tiếp giữa con người với con người.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Giới thiệu về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu Tâm lý học quản lý.
- Vài nét về lịch sử hình thành Tâm lý học quản lý.
- Những đặc điểm tâm lý của người làm công tác quản lý/ lãnh đạo.
- Vấn đề giao tiếp trong quản lý.

9.33 Tham vấn tâm lý 1

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Tâm lý học đại cương, tâm lý học nhân cách, tâm lý học lứa tuổi

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học giới thiệu và cung cấp cho sinh viên các khái niệm và lý thuyết tổng quan của hoạt động tham vấn tâm lý, các kiến thức cơ bản về các quan điểm và lịch sử phát triển của tham vấn tâm lý trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, giúp sinh viên nắm được các kiến thức về xác định mục đích, nguyên tắc, quy trình và phương pháp tiến hành tham vấn tâm lý. Về thực hành, khuyến khích sinh viên tham gia vào các tình huống giả định nhằm áp dụng các kỹ năng và kiến thức tham vấn đã học. Từ đó, giúp sinh viên nắm được những điểm trọng yếu trong lý thuyết và thực hành tham vấn tâm lý.

9.34 Tâm lý giao tiếp

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: có kiến thức về tâm lý học đại cương, tâm lý học xã hội, tâm lý học lứa tuổi
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: có những hiểu biết về tâm lý người, đặc trưng tâm lý của từng giai đoạn lứa tuổi của con người.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học cung cấp những kiến thức lí luận về giao tiếp và ứng xử (khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò và những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng đến giao tiếp- ứng xử). Cấu trúc của hành vi giao tiếp, những hình thức và phương tiện giao tiếp - ứng xử. Bản chất của giao tiếp, kỹ năng và hiệu quả trong giao tiếp ứng xử.

9.35 Công tác xã hội

Điều kiện tiên quyết:

- Sinh viên đã học các môn: Nhân học Đại cương, Xã hội học Đại cương, Tâm Lý Xã Hội

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học giới thiệu cho sinh viên về nghề Công Tác Xã Hội, lịch sử và quá trình phát triển; một số lý thuyết liên quan CTXH; định nghĩa; mục đích; triết lý, giá trị và đạo đức; chức năng; các phương pháp can thiệp đầu tiên; dụng cụ, kỹ năng làm việc trong CTXH và các lĩnh vực Công Tác Xã Hội.

9.36 Nhập môn quan hệ công chúng

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Sinh viên học xong các môn đại cương và cơ sở ngành
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Có kiến thức về hoạt động của các tổ chức, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng viết

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học gồm 6 chương cung cấp kiến thức đại cương về lĩnh vực quan hệ công chúng (PR) (định nghĩa; phân biệt PR với các khái niệm liên quan như quảng cáo, tiếp thị, tuyên truyền; vai trò, chức năng, lịch sử phát triển của PR; yêu cầu đối với người làm PR...); các nguyên lý PR; các hoạt động PR; mối quan hệ giữa PR với các phương tiện truyền thông... thiết lập mối quan hệ với giới truyền thông, cách lập danh bạ nhà báo, tổ chức các chương trình cho báo chí, cách tổ chức họp báo, tổ chức hội nghị khách hàng, viết thông cáo báo chí và kỹ năng trình bày, thuyết trình.

9.37 Giáo dục cộng đồng

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Giáo dục học đại cương, Lý luận giáo dục, Lý luận dạy học.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học này bao gồm những nội dung cơ bản về cộng đồng và giáo dục cộng đồng, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển cộng đồng, các nguyên tắc cơ bản trong giáo dục cộng đồng, mô hình và các bước trong quy trình giáo dục cộng đồng, các kỹ năng và phương pháp để thực hiện tổ chức buổi sinh hoạt giáo dục cộng đồng.

9.38 Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Sinh viên đã học các môn: Lý luận dạy học, Giáo dục học đại cương, Tâm lý học phát triển, Phương pháp giảng dạy.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Tin học và kỹ năng sử dụng máy vi tính.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Phần lý thuyết, qua việc thực hiện các dự án sinh viên khám phá các khái niệm về CNTT-truyền thông, vai trò của CNTT-truyền thông trong dạy học cũng như các hình thức ứng dụng CNTT trong dạy học. Trong phần thực hành ứng dụng cụ thể, sinh viên được hướng dẫn xây dựng một bài giảng điện tử với PM Powerpoint. Ngoài ra, sinh viên còn được thực hành các phần mềm ứng dụng thiết kế trò chơi, ô chữ cho các hoạt động dạy học.

9.39 Quản lý nguồn nhân lực trong Giáo dục

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Đại cương khoa học quản lý, Lãnh đạo và quản lý giáo dục, Chính sách và chiến lược giáo dục, Cơ sở pháp lý trong quản lý giáo dục.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Học phần bao gồm 6 chương. Chương 1 giới thiệu những vấn đề chung về quản lý nguồn nhân lực – Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục. Phân tích các khái niệm về nguồn nhân lực, quản lý nguồn nhân lực, đặc trưng của quản lý nhân lực trong giáo dục, vai trò, nhiệm vụ của phòng quản lý nhân sự và người làm công tác nhân sự. Các chương kế tiếp cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về các vấn đề chính trong quản lý nguồn nhân lực như: hoạch định nguồn nhân lực trong nhà trường và cơ , tuyển dụng và phân công sử dụng nhân sự trong nhà trường, công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong cơ quan giáo dục, đánh giá nhân sự trong nhà trường, cơ quan giáo dục và các vấn đề khác trong quản lý nguồn nhân lực

9.40 Tiếng anh chuyên ngành 2

Điều kiện tiên quyết

- Môn học tiên quyết: Hoàn thành Tiếng Anh Chuyên ngành Giáo dục 3
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: 1). Ngữ pháp và từ vựng: tất cả các thì trong tiếng Anh, modal verbs, passive voice, reported speech, các mẫu câu phức, và kiến thức từ vựng về các lĩnh vực học thuật đã đề cập ở Tiếng

Anh Chuyên ngành Giáo dục 3; 2). Nghe/Nói/Đọc/Viết: các chủ đề về các lĩnh vực học thuật ở Tiếng Anh chuyên ngành 3 và sử dụng kiến thức ngữ pháp và từ vựng ở mục 1).

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Học phần này chủ yếu giúp sinh viên nghe/nói/đọc/viết và dịch các chủ đề rất phức tạp trong lĩnh vực tâm lý học giáo dục và quản lý giáo dục. Chương 1: Personality psychology. Chương 2: School change and change leadership. Chương 3: Teacher behavior. Chương 4: Education and the labor market. Chương 5: Educational project management. Chương 6: Marketing in education.

9.41 Quản lý tài chính trong giáo dục

Điều kiện tiên quyết: không

Mục tiêu của môn học:

- Môn học cung cấp các kiến thức tương đối cơ bản về hoạt động tài chính và ngân sách nhà nước, hoạt động quản lý tài chính, ngân sách cho sự nghiệp giáo dục. Từ đó, sinh viên xây dựng dự toán ngân sách ở các đơn vị dự toán khác nhau trong lĩnh vực giáo dục.

9.42 Quản lý trường học

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Khoa học quản lý, Cơ sở pháp lý của hoạt động giáo dục, Lãnh đạo và quản lý giáo dục, Quản lý nhân sự trong giáo dục, Quản lý tài chính ngân sách trong giáo dục.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: có kiến thức nền tảng về bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục của đất nước; có kỹ năng tổng hợp, phân tích, kỹ năng làm việc độc lập cũng như phối hợp, làm việc nhóm.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Học phần này được thiết kế gồm 6 chương dành cho sinh viên năm thứ 4, chuyên ngành Quản lý Giáo Dục nhằm cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản nhất trong hoạt động quản lý nhà trường. Sinh viên được trang bị hệ thống lý luận cơ bản có liên quan đến hoạt động quản lý nhà trường. Quan trọng hơn, sinh viên sẽ đi sâu làm rõ, phân tích các nội dung (lĩnh vực) trong

quản lý nhà trường như quản lý hoạt động đào tạo; quản lý đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên trong nhà trường; quản lý cơ sở vật chất, hệ thống thông tin quản lý; quản lý lớp học; người hiệu trưởng nhà trường...

9.43 Quản lý chất lượng trong giáo dục

Điều kiện tiên quyết: Để học được môn này, SV phải hoàn tất

- Môn học: các môn học cơ sở ngành và môn quản lý trường học, chính sách chiến lược giáo dục, giáo dục học so sánh.
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kiến thức cơ bản về giáo dục đại học Việt Nam

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Môn học giới thiệu, phân tích khái niệm chất lượng giáo dục và so sánh các quan niệm/cách tiếp cận về chất lượng giáo dục; mục đích, quy trình và công cụ đánh giá chất lượng giáo dục. Môn học cũng khái quát các mô hình đảm bảo chất lượng và quản lý chất lượng giáo dục, chủ yếu là giáo dục bậc cao đẳng, đại học ở một số nước/khu vực trên thế giới. Phần bài tập định hướng cho sinh viên biết cách phân tích nội dung các tiêu chuẩn/tiêu chí đánh giá chất lượng, tìm minh chứng và mô tả thực trạng về chất lượng giáo dục theo một loại tiêu chuẩn, dựa trên một số tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục cụ thể ở một trường đại học (hoặc phổ thông)

9.44 Quản lý hoạt động phối hợp giáo dục

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Lý luận dạy học, Lý luận giáo dục và Đại cương khoa học quản lý;
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Không.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Học phần này sẽ giới thiệu, phân tích những nội dung vấn đề lý luận và thực tiễn về vai trò của hoạt động phối kết hợp trong hoạt động giáo dục; vị trí, vai trò, chức năng nhiệm vụ của các lực lượng giáo dục: nhà trường, gia đình và cộng đồng xã hội. Các nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức và quản lý trong hoạt động phối hợp giữa các lực lượng sẽ được phân tích, lĩnh hội

thông qua hoạt động giải quyết các tình huống. Đồng thời, người học sẽ được đóng vai trò, vị trí của các nhà giáo dục thực hiện các hoạt động phối hợp thông qua bài tập nhóm.

9.45 Marketing trong Giáo dục

Điều kiện tiên quyết

- Môn học tiên quyết: Marketing căn bản và Kinh tế học giáo dục
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: kiến thức cơ bản về toán và thống kê cơ bản

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Chương 1 Giới thiệu quá trình hình thành marketing, các khái niệm cơ bản của marketing, và việc ứng dụng các khái niệm này trong giáo dục. Chương 2 phân tích các dạng môi trường để xác định cơ hội trên thị trường giáo dục. Chương 3 trình bày các vấn đề về lựa chọn thị trường mục tiêu: phân khúc thị trường và định vị sản phẩm giáo dục. Chương 4 phân tích các chiến lược marketing sản phẩm giáo dục. Chương 5 phân tích tiến trình thực hiện chiến lược marketing, kiểm soát marketing giáo dục, các vấn đề về tính khoa học và sáng tạo trong hoạt động marketing giáo dục.

9.46 Tâm lý học sư phạm

9.47 Giáo dục đặc biệt

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Giáo dục học đại cương, Lý luận giáo dục, tâm lý học phát triển

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung của khoa học giáo dục đặc biệt, các mô hình giáo dục đặc biệt, đặc điểm tâm lý cơ bản và phương pháp giáo dục trẻ thuộc các dạng khuyết tật khác nhau, các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục đặc biệt. Ngoài ra học phần còn giới thiệu chương trình giáo dục hòa nhập, phương pháp giáo dục hiện đại trên thế giới vào thực tiễn giáo dục trẻ khuyết tật ở Việt Nam.

9.48 Tham vấn học đường

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Tâm lý học phát triển
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Kiến thức tâm lý và Kỹ năng tham vấn cơ bản

9.49 Lý luận giáo dục lại

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Giáo dục học đại cương, Lý luận giáo dục

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Học phần cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Tâm lý, Quản lý giáo dục những kiến thức cơ bản của LLGD: về bản chất của GDL và cơ sở khoa học của nó; phân biệt được giáo dục và GDL, về nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức GDL. Từ đó, biết cách vận dụng sáng tạo trong thực tiễn GDL.

9.50 Quản lý dự án giáo dục

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Đại cương khoa học quản lý; Lãnh đạo và quản lý giáo dục; Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục; Quản lý tài chính trong giáo dục - Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Không.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Học phần này sẽ cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong quản lý dự án, dự án giáo dục như: khái niệm về dự án, đặc trưng của dự án và dự án giáo dục; vai trò trách nhiệm của nhà quản lý dự án; Công việc/hoạt động cơ bản của mỗi chu kỳ dự án; Quản lý dự án và các công cụ chủ yếu trong quản lý dự án. Đồng thời, sinh viên sẽ được đóng vai trò, vị trí của người lập các dự án giáo dục thông qua bài tập nhóm.

9.51 Thanh tra giáo dục

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Khoa học quản lý, luật giáo dục, quản lý trường học.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Học phần cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Quản lý giáo dục những kiến thức cơ bản của Thanh tra giáo dục: về bản chất của thanh tra giáo dục và cơ sở pháp lý của nó; nắm được những vấn đề chung về thanh tra giáo dục, thanh tra nhà trường và thanh tra hoạt động sư phạm. Từ đó, biết cách tổ chức, xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động thanh tra trong giáo dục

9.52 Tâm lý và giáo dục giới tính

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học: Tâm lý học đại cương, Tâm lý học xã hội, Tâm lý học phát triển...
- Kiến thức: Các hiện tượng tâm lý cơ bản, Các đặc điểm phát triển của con người ở các giai đoạn lứa tuổi, Sự hình thành và phát triển nhân cách, Các hiện tượng tâm lý xã hội...
- Kỹ năng: Tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp; Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng nghiên cứu khoa học căn bản...

Course Prerequisites: Students are expected to have completed

Foundation course(s)	Knowledge	Skills
----------------------	-----------	--------

Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

- Course Overview
- Học phần Tâm lý và giáo dục giới tính gồm có 2 phần: lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết gồm có 4 chương. Chương 1 đề cập tới các vấn đề chung về đời sống giới tính và tâm lý học giới tính (khái niệm tâm lý học giới tính, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các học thuyết tâm lý học giới tính...). Chương 2 nói về giới và giới tính (khái niệm giới và giới tính, sự hình thành và phát triển giới tính...). Chương 3 trình bày một số vấn đề điển hình của đời sống giới tính như hiện tượng dậy thì, tình yêu, tình dục, hôn nhân... Chương 4 là phần giáo dục giới tính (khái niệm, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp...)
- Trong phần thực hành, sinh viên sẽ làm việc theo nhóm để thực hiện các dự án, về các chủ đề có liên quan đến nội dung học tập.

9.53 Tham vấn tâm lý 2

9.54 Phương pháp giảng dạy

Điều kiện tiên quyết:

- Sinh viên đã học các môn tâm lý học đại cương, Lý luận DH

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp dạy học cụ thể. Hình thành kỹ năng sử dụng các phương pháp dạy học trong dạy học.

9.55 Đánh giá kết quả học tập

Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Đánh giá và quản lý chất lượng giáo dục
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Không.

Mô tả vắn tắt nội dung môn học:

- Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (ĐGKQHT) là hoạt động có tính chất tất yếu trong quá trình dạy học, đào tạo nói chung. Trong thực tế, ĐGKQHT có ảnh hưởng và tác động đến các yếu tố khác của quá trình đào tạo. Môn học này tập trung trang bị cho sinh viên (SV) những hiểu biết khoa học cơ bản về quan niệm, bản chất, ý nghĩa, nguyên tắc và phương thức ĐGKQHT của người học nói chung; đồng thời, những kỹ thuật thiết kế công cụ ĐGKQHT và các hình thức tổ chức ĐGKQHT cũng được giới thiệu qua môn học. Ngoài ra, các xu hướng đổi mới ĐGKQHT trên thế giới và thực tiễn đổi mới ĐGKQHT ở nước ta cũng được SV tìm hiểu qua tự nghiên cứu và làm việc nhóm.

10. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU

Stt	Họ và Tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
1.	Hoàng Mai Khanh	1974	Tiến sĩ	Giáo dục gia đình Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Ứng dụng CNTT trong dạy học Lý thuyết học tập
2.	Nguyễn Thành Nhân	1975	Tiến sĩ	Giáo dục học đại cương

				Lý luận giáo dục Đại cương khoa học quản lý Quản lý chất lượng trong giáo dục Đánh giá kết quả học tập
3.	Phạm Thị Ngọc Lan	1962	Thạc sĩ	Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục Lãnh đạo và quản lý giáo dục Quản lý nhà nước trong GD Tiếng Anh cơ sở ngành 1 Tiếng Anh cơ sở ngành 2 Tiếng Anh chuyên ngành 1 Tiếng Anh chuyên ngành 2
4.	Nguyễn Thị Hảo	1982	Tiến sĩ	Lí luận dạy học Thống kê ứng dụng trong giáo dục
5.	Nguyễn Hồng Phan	1975	NCS	Tâm lý học xã hội Tâm lý học nhân cách Tâm lý học phát triển Công tác đoàn đội
6.	Hà Văn Tú	1982	Thạc sĩ	Lịch sử giáo dục Cơ sở pháp lý trong hoạt động giáo dục Quản lý trường học
7.	Dương Minh Quang	1984	Tiến sĩ	Giáo dục so sánh Nhập môn chính sách giáo dục
8.	Lê Thị Yên Di	1976	Thạc sĩ	Giáo dục đặc biệt Xử lý dữ liệu nghiên cứu trong KHGD Nhập môn xã hội học giáo dục

9.	Nguyễn Thị Anh Thu	1985	Thạc sĩ	Tư vấn tâm lí 1 Tư vấn tâm lí 2
10.	Bùi Chí Bình	1980	Thạc sĩ	Tiếng Anh cơ sở ngành 1 Tiếng Anh cơ sở ngành 2 Tiếng Anh chuyên ngành 1 Tiếng Anh chuyên ngành 2 Nhập môn kinh tế học giáo dục Marketing trong giáo dục Quản lí tài chính trong GD
11.	Cao Thị Châu Thuỷ	1977	Thạc sĩ	Lí luận dạy học Quản lý hoạt động phối hợp giáo dục Quản lý dự án giáo dục
12.	Đinh Thị Thanh Ngọc	1987	Thạc sĩ	Tâm lý và giáo dục giới tính
13.	Nguyễn Võ Đan Thanh	1981	Thạc sĩ	Giáo dục cộng đồng Tiếng Anh cơ sở ngành 1 Tiếng Anh cơ sở ngành 2 Tiếng Anh chuyên ngành 1 Tiếng Anh chuyên ngành 2
14.	Lê Văn Trỗi	1981	Thạc sĩ	Thanh tra giáo dục Lý luận giáo dục lại
15.	Hồ Võ Quế Chi	1987	Thạc sĩ	Tham vấn học đường

GIẢNG VIÊN THÍNH GIẢNG

Stt	Họ và Tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học/học phần sẽ giảng dạy
1.	Lâm Hiếu Minh	1979	Thạc sĩ – Bác sĩ	Sinh lí học thần kinh
2.	Kim Thị Dung	1957	Thạc sĩ	Tâm lý học đại cương Tâm lý học quản lý
3.	Nguyễn Ánh Hồng	1959	Tiến sĩ	Tâm lý học sư phạm Phương pháp dạy học

4.	Trương Thị Tuyết Nương	1942	Tiến sĩ	Công tác xã hội
5.	Lê Tuyết Ánh	1952	Thạc sĩ	Tâm lý giao tiếp
6.	Trần Thế Hưởng	1957	Thạc sĩ	Phương pháp luận sáng tạo
7.	Nguyễn Thị Kim Loan	1971	Thạc sĩ	Giáo dục dân số môi trường
8.	Hồ Ngọc Đoan Khương	1977	Thạc sĩ	Nhập môn quan hệ công chúng
9.	Nguyễn Duy Mộng Hà	1971	Thạc sĩ	Giáo dục suốt đời
10	Lê Hoàng Thế Huy		Thạc sĩ	Tâm lý học lệch chuẩn
11	Phan Thiệu Xuân Giang	1972	Thạc sĩ – Bác sĩ	Tâm lý học thần kinh

11. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

GIÁO TRÌNH VÀ TẬP BÀI GIẢNG

ST T	Môn học	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	Tâm lý học Đại cương (General Psychology)	Tâm lý học đại cương	Khoa Tâm lý – Giáo dục trường ĐHSP Hà Nội	ĐHQG HN.	
		Tâm lý học đại cương	Trường ĐH KHXH&NV TPHCM.		
		Hành vi và hoạt động giáo dục	Phạm Minh Hạc	Hà Nội.	1989
		Các lý thuyết phát triển tâm lý người	Phan Trọng Ngọ	NXB ĐHSP	2003
		Bài tập thực hành tâm lý học	Trần Trọng Thủy	ĐHQG HN	2002

		Tâm lý học trí khôn, J.PiaGet	GD Hà Nội.	1997
2	Cơ sở pháp lý trong hoạt động giáo dục	Luật giáo dục	Chính trị Quốc gia Hà Nội	2005
		Luật Lao động	NXB Thống kê, Hà Nội	2007
		Nghị định chính phủ (qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật GD)		
		Tập bài giảng về Luật GD và Luật Lao động		
3	Lý luận giáo dục	Giáo trình Giáo dục tập 2	Nxb Đại học Sư Phạm.	2006
		Lý luận giáo dục	Phan Thanh Long	Nxb Đại học Sư phạm
4		Tâm lí học phát triển Vũ Thị Nho	NXB ĐHQG HN	2001

	Tâm lý học phát triển	Nguyễn Văn Đồng	NXB CTQG HN	2004
	Đề cương bài giảng Tâm lý học lứa tuổi	Nguyễn Ánh Hồng (biên soạn)		2000
	Handbook of Adolescent Psychology	Adelson J, Eds	New York Wiley	1980
	Handbook of the Psychology of Aging,	Birren J. E. and Schaie K. W. Secon Edition	New York Van Nostrand Reinhold	1985
5	Lý luận dạy học	Các lý thuyết và mô hình giáo dục hướng vào người học ở phương tây	Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội	1995.
		Quan niệm và xu thế phát triển phương pháp dạy học trên thế giới	Hà Nội	2001
		Các chiến lược để dạy học có hiệu quả,	Allan C. Ornstein & Thomas J. Lasley,	Tài liệu tham khảo nội bộ.
6	Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai – vấn đề và giải pháp	Đặng Quốc Bảo (chủ biên)	NXB CTQG	2004

		Những vấn đề cơ bản của Giáo dục hiện đại	Thái Duy Tuyên	NXB GD	1998
	Giáo dục học đại cương	Nền Giáo dục cho thế kỷ 21 – những triển vọng của Châu Á Thái Bình Dương	RaJa Roy Singh	Hà Nội	1994
		Cú sốc tương lai	Alvin Toffler		
		GĐVN những thập niên đầu thế kỷ XXI, chiến lược phát triển	Đặng Bá Lãm	NXB GD	2003
		Văn kiện, nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1996 đến nay....			
7		Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu giáo dục và tâm lý. Phần I: Thống kê mô tả.,	Dương Thiệu Tống, Ed.D	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2000

Thống kê ứng dụng trong giáo dục	Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu giáo dục và tâm lý. Phần II: Thống kê suy diễn.,	Dương Thiệu Tống, Ed.D.	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2003
	Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ.	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	1995
	Thống kê Y học	Nghiêm Xuân Phách	NXB Y học	1995
	Fundamental Statistics For Behavioral Sciences	Robert B. McCall	NXB Marcouri Brace Jovanovich	1993
	Application for the Behavioral Sciences.,	Joseph H. Porter and Robert J. Hamm. Statistics	Brooks/Cole Publishing Company	1986.
	Elementary Statistics	Neil A. Weiss.	Addison Wesley Publishing Company	1993
8	Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS	Hoàng Trọng - Nguyễn Chu Mộng Ngọc	NXB Thống kê	2005
	Xử lý dữ liệu nghiên cứu với SPSS for Windows	Hoàng Trọng	NXB Thống kê	2002

	Xử lý dữ liệu nghiên cứu trong KHGD	Giáo trình SPSS	Đỗ Văn Thắng-Phan Thành Huân	NXB ĐH Quốc gia TPHCM	2003
		Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục	Dương Thiệu Tống	NXB Khoa Học Xã Hội	2005
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Phương pháp nghiên cứu giáo dục học và tâm lí học	Dương Thiệu Tống	Nxb ĐHQG TP.Hồ chí Minh.	
		Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Nxb Khoa học &Kĩ thuật, HN	1996
		Phương pháp thiết kế và đánh giá nghiên cứu trong giáo dục	J.R. Fraenkel & N.E.Wallen	Tài liệu lưu hành nội bộ	2007
		Research Methods in Education	W.Wiersma & S.G.Jurs	NXB Pearson	2005
		Xử lí dữ liệu nghiên cứu với SPSS FOR WINDOWS	Hoàng Trọng	Nxb Thống kê	2002.
10		Tâm lí học xã hội	Lê Tuyết Ánh, Nguyễn Thanh Hằng	(tài liệu lưu hành nội bộ).	
		Tâm lí học xã hội	. Nguyễn Đình Chính, Phạm Ngọc	NXB Giáo dục,	1998

		Uyển		
	Tâm lí học xã hội (lí luận và ứng dụng)	Trần Hiệp	NXB Khoa học xã hội	1991
	Vũ Dũng - Tâm lí học xã hội	Bùi Văn Huệ (chủ biên)	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2003
	Các phương pháp của Tâm lí học xã hội	Hồ Ngọc Hải, Vũ Dũng	NXB Khoa học xã hội	1996
	Tâm lí học quản lí	Nguyễn Đình Chính, Phạm Ngọc Uyển	NXB Giáo dục	1998
	Thực hành nghiên cứu xã hội,	L. Therese Bake	NXB Chính trị Quốc gia	1998
	Nhập môn Tâm lí học xã hội Mácxít (Đức Uy - dịch).	H. Hipsơ, M. Phorvec	NXB. Khoa học xã hội	1984
11	Những cơ sở tâm lí học thần kinh, M (tiếng Nga).	A.R. Luria		1973
	Các chức năng cấp cao của vỏ não	A.R. Luria		1969

		người M, (tiếng Nga).			
		Não người và các quá trình tâm lý, tập 1. M, 1963, tập 2. M	A.R. Luria		1970.
	Tâm lý học thần kinh	Cơ sở tâm lý học thần kinh	.A.R. Luria(Võ Thị Minh Chí, Phạm Minh Hạc và Trần Trọng Thủy dịch)	NXB Giáo dục	2003.
		Đề cương bài giảng lớp cao học tâm lí	Võ Thị Minh Chí		
		Tuyển tập Tâm lí học	Phạm Minh Hạc		
		Tâm lí học Vugótxki,	Phạm Minh Hạc		
12	Phương pháp luận sáng tạo	Giới thiệu: Phương pháp luận sáng tạo và đổi mới.	Phan Dũng		2005
		Thế giới bên trong con người sáng tạo.	Phan Dũng		
		Tư duy logic, biện chứng và hệ thống.	Phan Dũng		2006

		Các thủ thuật (nguyên tắc) sáng tạo cở bản (phần 1+2)	Phan Dũng		2007
13	Quản lý nhà nước trong giáo dục	Luật hành chính Việt Nam,	Phạm Hồng Thái, Đinh Văn Mậu	NXB TPHCM	
14	Lý luận giáo dục lại	Giáo dục lại trẻ em	- A.I. Cô-Trê-Tốp	NXB Maxcova	1972
		Sự sai lệch chuẩn mực xã hội,	Đức Uy (dịch)	NXB Thông tin lý luận Hà Nội.	1986
		Những khía cạnh tâm lý- xã hội về tình trạng phạm tội của người chưa thành niên,	A.I. Đôn-Gô-Va	NXB Pháp lý, Hà Nội	1987
		Bài ca sư phạm,	S.Makarenco	NXB Văn học, Hà nội.	1963
		Ngọn cờ trên đỉnh tháp	A- A.S. Makarenco	NXB TPHCM.	1985
		Muốn trẻ hư trở thành công dân tốt,.	Võ Quang Phúc	NXB GD	1991

		Phòng ngừa vi phạm pháp luật trong thanh niên,	N.i.Ne.Tróp	NXB Pháp lý	1986
15	Giáo dục gia đình	The relation of parenting style to adolescent school performance, <i>Child Development</i> , 58, 1244-1257	Dornbusch S.M., Ritter P.L., Leiderman P.H., Roberts D.F., Fraleigh M		1987
		Gia đình truyền thống và những biến thái ở Nam Bộ Việt Nam, trong R. Liljeström & Trương Lai (Chủ biên), <i>Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam</i> , quyển I, Hà Nội,.	Đỗ Thái Đồng	NXB Khoa học Xã hội	1991
		Xu hướng gia đình ngày nay, Hà Nội	Vũ Tuấn Huy (chủ biên),	NXB Khoa học Xã hội.	2004
		Gia đình, trẻ em và sự kế thừa các	Đặng Cảnh Khanh	NXB Lao Động – Xã Hội, Hà Nội	2003

	giá trị truyền thống.			
	<i>Les pratiques éducatives parentales et l'autonomie de l'enfant, étude comparative France-Vietnam</i> , luận án tiến sĩ chuyên ngành Khoa học Giáo dục	Hoàng Mai Khanh	Đại học Paris X – Nanterre, Pháp	2005
	Trẻ em, gia đình, xã hội,	Mai Quỳnh Nam (chủ biên),	NXB Chính trị Quốc gia.	2004
	L'éducation familiale, <i>Revue française de Pédagogie</i> , N° 86, 69-101.	Pourtois J.-P., Desmet H.,		1989
	<i>Nhận diện gia đình Việt Nam hiện nay</i>	Trung tâm nghiên cứu khoa học về phụ nữ	Hà Nội	1991
16	Giáo dục cộng đồng – Cuốn 1+2+3 +4 : Những khái niệm giáo	Theresa V. Tungpalan	Xuất bản : Trường đại học CTXH-	1991

	Giáo dục cộng đồng	dục cùng tham gia và giáo dục giải phóng		PTCD	
		Giáo dục chủ động	Nguyễn Thị Oanh	Phòng Nghiên cứu Công tác xã hội	1994.
		Giáo dục phát triển	Nguyễn Thị Oanh	Đại học mở bán công TPHCM	1999
		Phát triển cộng đồng	Nguyễn thị Oanh	Đại học mở bán công TPHCM	2000
17	Giáo dục dân số và môi trường	Một số vấn đề cơ bản về GDDS	Nguyễn Đức Minh (Chủ biên),	Hà Nội	1987
		Giáo dục dân số, Giáo trình đào tạo thạc sỹ GDDS,	Nguyễn Văn Lê	Hà Nội	1992.
		Những cơ sở khoa học của GDDS	Trung tâm nghiên cứu, đào tạo và bồi dưỡng giáo viên về giáo dục	Hà Nội	1995
		Dân số, tài nguyên, môi trường và chất lượng cuộc sống, tập 1+2, Hà Nội 1988	Sharma R.C		
		Con người và môi trường, ,	Hoàng Hưng- Nguyễn Thị Kim Loan	NXB Đại học quốc gia Tp.HCM	2005

		Dân số, định cư, môi trường	Nguyễn Đình Hòa	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2001
		Dân số học đại cương,	Nguyễn Kim Hồng	NXB Giáo dục	1998.
		Giáo dục môi trường,	Nguyễn Kim Hồng (chủ biên),	NXB Giáo dục,	2001
18	Lịch sử giáo dục	Lịch sử giáo dục Việt Nam trước cách mạng tháng 8 – 1945	Nguyễn Đăng Tiến (chủ biên),	NXB Giáo dục, Hà Nội	1995
		Giáo dục Việt Nam thời cận đại,	Phan Trọng Báu,	NXB Giáo dục, Hà Nội,.	2006
		Giáo dục Việt Nam 1945 – 2005,	Hội khoa học kinh tế Việt Nam,	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội,	2005.
		Hỏi đáp giáo dục Việt Nam,	Lê Minh Quốc	NXB Trẻ, Tp.HCM,	2001
		Sự phát triển của giáo dục và chế độ thi cử ở Việt Nam thời phong kiến, ,	Nguyễn Tiến Cường,	NXB Giáo dục,	1998
		Những nhà giáo tiêu biểu trong lịch sử,	Nguyễn Xuân	NXB Thanh Hóa,	2006.
		Giáo dục Việt Nam những năm đầu thế kỷ XXI,	Nguyễn Hữu Châu	NXB Giáo dục	2007.

		Quan niệm của Nho giáo về giáo dục con người,	Nguyễn Thị Nga, Hồ Trọng Hoài,	NXB CTQG,	2003
		Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục,	Đặng Quốc Bảo	NXB Giáo dục	2008
19	Đại cương khoa học quản lý	Khoa Học Tổ Chức Quản Lý,	Nguyễn Văn Bình	Nxb. Thống kê,	1999.
		Những vấn đề cốt yếu của quản lý	Harold Koontz, Cyril Odonnell, Heinz Weihrich	Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội	2004.
		Giáo Trình Khoa Học Quản Lý	Đặng Ngọc Lợi (chủ biên)	Nxb. Chính trị quốc gia	2003
		Khoa Học Quản Lý, tập 1+2	Đỗ Hoàng Toàn (Chủ biên)	Nxb. Khoa học kỹ thuật, Hà Nội	2000
20		Tâm lý học quản lý	PTS. Phạm Đình Chinh, Phạm Ngọc Uyển	Trường ĐH Tổng hợp Hà Nội	1994
		Giáo trình Tâm lý học quản lý	Trường ĐH tổng hợp Hà Nội		1994
	Tâm lý học quản lý	Tâm lý học quản lý kinh doanh	Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội		2004

		Tâm lý lãnh đạo và quản lý	Nguyễn Phúc An	NXB Trẻ	
21	Tâm lý học giao tiếp	Nhập môn khoa học giao tiếp	Nguyễn Văn Lê	NXB GD	1998
		Tâm lý học ứng xử., NXB GD,	Lê Thị Bùng		2000
		Nghệ thuật ứng xử của người Việt,	Phạm Minh Thảo	NXB VHTT – Hà Nội	1995
		Ngôn ngữ cử chỉ – ý nghĩa của cử chỉ trong giao tiếp,	Allan Pease.		
		Tâm lý truyền thông và giao tiếp, .	Nguyễn Thị Oanh	Đại học Mở – bán công Tp.HCM	
		Qui tắc giao tiếp xã hội – giao tiếp bằng ngôn ngữ	Nguyễn Văn Lê	NXB Trẻ	1997
22	Tâm lý học sư phạm	Tâm lý học sư phạm,	Lê Văn Hồng	NXB GD	
		Tâm lý sư phạm,	Đoàn Huy Oánh	NXB. ĐHQG TPHCM,	2005
		Maltby, Florence.Educatioanl Psychology, an Australian and New Zealand perspective.	Brisbane, John Wiley,		1995

23	Giáo dục đặc biệt	Tài liệu của viện chiến lược và chương trình giáo dục thuộc bộ GDĐT Các tài liệu liên quan đến giáo dục trẻ khuyết tật do các nhà xuất bản biên soạn			
24	Tham vấn tâm lý 1	Tư vấn tâm lý giáo dục nhập môn, Counseling and Psychotherapy,	Lê Hồng Minh Carl Rogers	UBDSGD & TE Tp.HCM ấn hành NXB Houghton Mifflin Co, Boston,	2003 1970.
25		Tài liệu huấn luyện GV THPT – THCS – Phương pháp giảng dạy các chủ đề nhạy cảm về sức khỏe sinh sản vị thành niên,	Bộ Giáo dục và Đào tạo – UNPFA,	NXB Tổng hợp Hậu Giang	2000 1989

	Tâm lý và giáo dục giới tính	<p>Giáo dục giới tính và hạnh phúc lứa đôi,</p> <p>Tính dục phổ thông,</p> <p>Nói chuyện về giáo dục gia đình,</p> <p>Tâm lý học lứa tuổi và sự phạm, ,</p> <p>Bạn gỏi với học kỳ sinh học,</p> <p>Giáo dục đời sống gia đình,</p>	<p>IV. I. KUSNIRUK – SecBakov</p> <p>MAKARENKO</p> <p>Bùi Ngọc Oánh – Nguyễn Hữu Nghĩa – Triệu Xuân Quỳnh,</p> <p>Phạm Côn Sơn</p> <p>Nguyễn Đình Xuân,</p>	<p>NXB Y Học,</p> <p>NXB Kim Đồng,</p> <p>NXB ĐH Sư Phạm Tp.HCM</p> <p>NXB Đồng Nai,</p> <p>NXB ĐHQG Hà Nội,</p>	<p>1988</p> <p>1971</p> <p>1996</p> <p>1998</p> <p>1997</p>
26	Phương pháp dạy học	<p>Giảng dạy theo tình huống, H.Russel Bernard, Bộ công an, ĐH An ninh nhân dân</p> <p>Các lý thuyết và mô hình giáo dục hướng vào người học ở phương tây,.</p> <p>Quan niệm và xu thế phát triển</p>		<p>Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội</p> <p>Hà Nội</p>	<p>1995</p> <p>2001</p>

		phương pháp dạy học trên thế giới, Các chiến lược để dạy học có hiệu quả, ,	Allan C. Ornstein & Thomas J. Lasley	Tài liệu tham khảo nội bộ.	
27	Tham vấn tâm lý II	Theory and Practice of Counseling and Psychotherapy (7 th Ed).. Existential Thought and Therapeutic Practice – An Introduction to Existential Psychotherapy. Instructor’s Resource Manual with Test Bank for Theory and Practice of Counseling and Psychotherapy (7 th Ed), Case Approach to Counseling and Psychotherapy (6 th Ed), The Art of Integrative Counseling and CD-Rom for Integrative Counseling.	Corey G. Cohn H. W. Corey G.	California: Brooks/Cole – Thomson Learning London: Sage. California: Brooks/Cole – Thomson Learning.	2005 1997 2005

		Brief Cognitive Behaviour Therap.	Curwen B., Palmer S., Ruddell P.	London: Sage	2000
		Rational Emotive Behavioral Counseling in Action (2 nd Ed).	Dryden W.	London: Sage.	1999
28	Quan hệ công chúng	Quảng cáo thoái vị và PR lên ngôi,	Al Ries và Laura Ries, Vũ Tiến Phúc – Trần Ngọc Châu – Lý Xuân Thu biên dịch	Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.	2005
		Chiến tranh tiếp thị	Al Ries và Jack Trout, Trịnh Diệu Thìn biên dịch	Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội	2005
		Phá vỡ bí ẩn PR	Frank Jefkins, Nguyễn Thị Phương Anh – Ngô Anh Thy biên dịch	Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.	2004
		Quan hệ công chúng – Để người khác gọi ta là PR	Hà Nam Khánh Giao	Nxb Thống Kê	2004
		Nghề PR – Quan hệ công chúng	Hội đồng biên tập từ sách hướng nghiệp Nhất Nghệ Tinh	Nxb Kim Đồng, TP. Hồ Chí Minh.	2004
		Media Now	Josheph Straubhaar and Robert La Rose	Copy Right by Wadsworth Group	2002
		PR hiệu quả	Moi Ali, Hoàng Ngọc Tuyền biên	Nxb Tổng Hợp	2006

			dịch	TP. Hồ Chí Minh.	
29	Công tác Đoàn - Đội	Lí luận và phương pháp công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh,	Trần Như Tĩnh (Chủ biên), Bùi Sĩ Tụng, Phan Nguyên Thái	NXB Giáo dục,	1998.
		Phương pháp giảng dạy bộ môn Công tác Đoàn,	Trần Như Tĩnh (Chủ biên), Bùi Sĩ Tụng, Phan Nguyên Thái	NXB Giáo dục	2000.
		Điều lệ Đoàn TNTP Hồ Chí Minh,		NXB Thanh niên,	2008
		Nghi thức Đoàn TNTP Hồ Chí Minh, Cẩm nang cho người phụ trách Đoàn TNTP Hồ Chí Minh,	Bùi Sĩ Tụng (Chủ biên), Phạm Đình Nghiệp, Phan Nguyên Thái	NXB Thanh niên, NXB Giáo dục,	2008 2006.
30	Trắc nghiệm khách	. Đo lường và đánh giá kết quả học tập. Giáo trình dùng cho SV trường ĐH Sư phạm TP HCM 3. Quentin Stodola, Ph.D. and Kalmer Stordahl, Ph.D. Basic Educational Tests and Measurement. Royal Melbourne	Lý Minh Tiên và nhiều tác giả	Lưu hành nội bộ.	2004

	quan	Institute of Technology, Victoria Phương pháp trắc nghiệm trong kiểm tra và đánh giá kết quả học tập. Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập (phương pháp thực hành), Tập 1: Trắc nghiệm chuẩn mức. Bộ Giáo Dục và Đào tạo,	Nguyễn Phụng Hoàng, Ph.D. và Nguyễn Ngọc Lan, Cao học Dương Thiệu Tống, Ed.D	Nhà XB Giáo Dục, Trường Đại học Tổng hợp TP HCM	1997. 1995
31	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	Phương tiện dạy học, Technology for teaching. Cindy, Integrating technology for meaningful learning, Integratin Educational Technology into teaching, Bi giảng “Công nghệ dạy học”,	Tô Xuân Giáp, Norton, Priscilla & Sprague, Debra Grabe, Mark and Grabe Roblyer, M.D. – Edwards, Jack, Th.S Nguyễn Duy Mộng Hà	NXB Giáo dục, Allyn & Bacon Houghton Mifflin Co., Second Edition, Prentice-Hall, tài liệu sử dụng	2001. 2001. 2001. 2000 2006

				nội bộ,	
32	Công tác xã hội	Công Tác Xã Hội Cá Nhân. TP. Hồ Chí Minh.	An, L.C.	Đại Học Mở & Bán Công California, Brooks/Cole Publishing Company	2006
		Social Work Processes, 6 th ed.	Compton, B. R. & Galaway, B.	Quezon City, New Day Publishers.	1999
		Introduction to Social Work.	Leonora Serafica-De Guzman	Revised ed. Philippines: Megabooks Company	1992
		Social Welfare and Social Work.	Mendoza, T. L.	. Washington, DC. NASW Press	2002
		The Foundation of Social Work Practice.	Meyer, C. H. & Mattaini M. A.		1996
33		Tổng quan về giáo dục Châu Á (Tổng luận phân tích)	Ngô Hào Hiệp		1994
		Giáo dục quốc tế - một vài tư liệu và so sánh,	Phạm Lan Hương	NXB ĐH Quốc gia TPHCM	2006

	Giáo dục so sánh	Giáo dục thế giới đi vào thế kỉ XXI, Comparative Education-Exploring Issues in International context, Upper Saddle River	Phạm Minh Hạc Patricia K.Kubow-Paul R. Fossum	NXB Chính trị Quốc gia , New Jersey Columbus.	2002
34	Tâm lý học lao động	Tập bài giảng tóm tắt Tài liệu đọc thêm : <ul style="list-style-type: none"> • Tâm sinh lý lao động và kỹ thuật • Tâm lý học kỹ thuật • Ecgonomi • Tổ chức lao động khoa học 			
35	Tâm lý học tuyên truyền				
36		Counseling in Schools - Essential Services and Comprehensive	Schmidt, J. J.	. Pearson Education	2003

	Tham vấn học đường	<p>Programs</p> <p>The School Counselor as Consultant - An Intergrated Model fro School-Based Consultation.</p> <p>Theory and Practice of Group Counseling (5th Ed). California: Wadsworth,.</p> <p>Helping At-Risk Students – A Group Counseling Approach for Grade 6-9.</p>	<p>Parsons, R. D., Kahn W. J</p> <p>Corey, G.</p> <p>Waterman, J., Walker, E.</p>	<p>Thomson</p> <p>Thomson Learning</p> <p>New York: Guilford</p>	<p>2005</p> <p>2000</p> <p>2001</p>
37	Nhập môn kinh tế học giáo dục	<p>Kinh tế học giáo dục</p> <p>Nguyên lý kinh tế học</p>	<p>Lê Sơn & Đặng Quốc Bảo</p> <p>Mankiw. N. Gregory</p>	<p>Hội Tâm lý giáo dục học Việt Nam, Tp.HCM</p>	<p>1995</p> <p>2003</p>

38	Xã hội học giáo dục	<p>Handbook of Sociologie de l'Education</p> <p><i>Sociologie de l'Education</i></p> <p><i>Sociologie de l'Ecole</i></p> <p>Social capital in the creation of human capital</p>	<p>Hallinan M. Ed</p> <p>Cacouault M., Oeuvrard F</p> <p>Duru-Bellat M., Henriot-van Zanten A</p> <p>Coleman, J,</p>	<p>New York</p> <p>Paris, Editions La Découverte</p> <p>Paris, Armand Colin</p> <p><i>American Journal of Sociology</i>, 94, 95-120</p>	<p>2006</p> <p>1995</p> <p>1992</p> <p>1988</p>
39	Giáo dục suốt đời	<p>Đề cương chi tiết bài giảng <i>Giáo dục suốt đời</i></p> <p>Lifelong Learning</p> <p>tài liệu môn học Giáo dục suốt đời</p>	<p>ThS. Nguyễn Duy Mộng Hà</p> <p>European Commission</p> <p>TS. Đoàn Huệ Dung</p>	<p>Trường ĐHSP Kỹ thuật Tp.HCM,</p>	<p>2007.</p> <p>2001</p> <p>2006</p>

	Thanh tra giáo dục	Tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát của một số nước trên thế giới Những vấn đề cốt yếu của quản lý	Nguyễn Văn Kim Harold Koontz, Cyril O'donnel, Heinz Weihrich	NXB Chính trị quốc gia NXB Khoa học và Kỹ thuật	2001 1998
40	Quản lý trường học	Giáo trình Quản lý trường học	Thạc sĩ Nguyễn Minh Sơn		
		Hỏi đáp Giáo Dục Học	Nguyễn Ngọc Bảo – Bùi Văn Quân	Đại Học Sư Phạm	2006
		Hội thảo quản lý giáo dục những thập niên đầu của thế kỷ 21	Trung tâm đào tạo khu vực của Seameo tại Việt Nam		
		Luật Giáo Dục 2005			

41	Quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục	Quản trò nguồn nhân lực	TS .Traàn Kim Dung	Giao dục	2006
		Quản trò nhân sự	TS Nguyễn Thanh Hoài	Thoáng kê	2002
		Giáo trình nguồn nhân lực	PGS. TS Nguyễn Tiếp	Lao Ñoäng – Xaõ hoãi	2005
		Human resource management - Essential perspectives	Mathis and Jackson	South – Western	2005
42	Quản lý tài chính trong giáo dục.	Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước mới, ban hành kèm Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC	Bộ trưởng Bộ Tài chính	Tài chính	2008
		Lý thuyết tài chính	Bộ Tài chính	Tài chính	2008
		Tài chính hành chính sự nghiệp	Bộ Tài chính	Tài chính	2008
43	Marketing trong giáo dục	Marketing	Traàn Minh Ñaõ..	Thoáng kê, Haø Noãi	2006
		Về khuôn mặt mới của giáo dục đại học Việt Nam.	Phạm Phụ	Đại học Quốc gia Tp.HCM.	2005

		Educational Marketing and the Public School: Policies, Practices and Problems	Hanson. E. M.	University of California	1991
44	Quản lí hoạt động phối hợp trong GD.	Giáo dục gia đình	Bộ GD-ĐT	Giáo dục	1999
		Tổ chức và quản lý hoạt động phối hợp các lực lượng giáo dục	Huỳnh Công Minh	tài liệu lưu hành nội bộ	2003
		Tổ chức hoạt động giáo dục	Hà Nhật Thăng, Lê Tiến Hùng	Giáo dục, Hà Nội	1995
		Tổ chức và quản lý hoạt động phối hợp các lực lượng giáo dục	Nguyễn Minh Sơn	Tài liệu lưu hành nội bộ	2003
		Parents as partners in Education: families & school working together	Eugenia Hepworth Berger	Prentice – Hall Inc	1995
45	Quản lí chất lượng trong giáo dục.	Chính sách giáo dục Đại học: cải tiến và chịu trách nhiệm xã hội.	I. Vroeijenstijn		1995
		Bộ Giáo dục và Đào tạo Tự Đánh Giá Trong Kiểm Định Chất Lượng Giáo Dục Đại Học.			2006

46	Quản lý dự án giáo dục.	Các kỹ năng cơ bản trong quản lý dự án giáo dục			
		Quản lý dự án lớn và nhỏ - Cẩm nang kinh doanh	Harvard Business Essentials Trần Thị Bích Nga, Phạm Ngọc Sáu (dịch)	Tổng hợp TP.HCM	
		Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	PGS. TS. Phước Minh Hiệp Th.S. Lê Thị Vân Đan		
		Project Management – The Managerial Process, Third Edition	Clifford F. Gray, Erik W. Larson		
47	Nhập môn chính sách giáo dục	Larson Lý luận và thực tiễn xây dựng chiến lược giáo dục và đào tạo	Viện nghiên cứu phát triển giáo dục	Kỷ yếu hội thảo	1997
		Quản lý chiến lược kế hoạch trong các trường đại học và cao đẳng	Phạm Thành Nghị	Giáo dục.	2000
		Về khuôn mặt mới của giáo dục đại học Việt Nam	Phạm Phụ	Đại học Quốc gia Tp.HCM	2005
48	Lãnh đạo và quản lý	Quản Trị Học	Liên Diệp, N.T	Thống kê	1997

	giáo dục.				
		Quản Lý Giáo Dục và Đào Tạo	Châu, N.P	Hà nội - Học viện QLGD.	2008

12. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ GIẢI TRÌNH ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH

12.1. THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(1) Chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Quản lý Giáo dục với loại hình đào tạo chính quy được xây dựng căn cứ vào mục tiêu đào tạo, kết quả khảo sát trên cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động, điều kiện thực tế của Khoa Giáo dục và của Nhà trường. Bên cạnh những môn chuyên ngành bắt buộc, các môn tự chọn được xây dựng theo các hướng: giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tư vấn học đường, giáo viên, chuyên viên giáo dục... nhằm giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp, trang bị kiến thức và kỹ năng phù hợp với ngành nghề tương lai.

(2) Khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp toàn khoá học 4 năm là **146-148 Tín chỉ, được phân bố trong 8 học kỳ chính thức và các học kỳ hè.**

(4) Quy trình đào tạo theo Quy định đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học quốc gia TP. HCM và của Nhà trường.

(5) Chương trình này **áp dụng cho khóa đào tạo năm 2014 ở khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; áp dụng toàn bộ chương trình từ khoá 2015 về sau.**

12.2. GIẢI TRÌNH ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC

(1) **Các môn bổ sung** của Khoa đáp ứng nhu cầu mới của nhà sử dụng lao động, bổ sung các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho SV phù hợp mới mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT mới, đặc biệt là kiến thức cơ bản của ngành và liên ngành, kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm, tăng cường các hoạt động thực hành, thực tế, thực tập, kiến tập: các môn như *Tham quan thực tế, Kiến tập nghề nghiệp, Khoa học nhận thức, Triết học đại cương, Lý thuyết học tập, Quản lý nhà nước trong giáo dục...*

(2) **Các môn điều chỉnh lại tên gọi, điều chỉnh lại số tín chỉ** cho phù hợp với tính chất của môn học trong tương quan chung với các môn học khác trong chương trình đào tạo, vừa mang tính chính xác vừa có thể liên thông trình độ đại học và sau đại học chuyên ngành QLGD, đáp ứng khả năng chuyển đổi được trong nội bộ các ngành học của trường cũng như của hệ thống Đại học Quốc gia TP. HCM: chẳng hạn như Môn *Giáo dục học so sánh* đổi tên thành môn **Giáo dục so sánh** từ 2TC lên 3TC; Môn *Kinh tế học giáo dục* đổi tên thành môn **Nhập môn kinh tế học giáo dục**; môn *Đánh giá và quản lý chất lượng giáo dục* đổi tên thành môn **Quản lý chất lượng trong Giáo dục**;

môn *Chính sách- Chiến lược giáo dục* đổi thành ***Nhập môn chính sách giáo dục***;
Môn *Luật giáo dục-Luật lao động* thành môn ***Cơ sở pháp lý trong hoạt động giáo dục...***

(3) **Các môn mới bổ sung trong khối kiến thức tự chọn từ các ngành học khác** trong và ngoài trường thuộc hệ thống Đại học Quốc gia TP.HCM nhằm tăng cơ hội lựa chọn theo nhu cầu, nguyện vọng và sở thích của SV cũng như gia tăng cơ hội việc làm sau khi SV tốt nghiệp: chẳng hạn như các môn *Quản lý công; Chính sách công, Ứng dụng tin học trong công tác văn phòng, văn thư và lưu trữ...*

(4) **Một số môn ghép lại từ các môn khác nhau** để đảm bảo tính trọn vẹn của tri thức và giảm bớt số tín chỉ: chẳng hạn như môn *Tâm lý học trẻ khuyết tật* và *Giáo dục trẻ khuyết tật* ghép lại thành môn ***Giáo dục đặc biệt***; *Lịch sử giáo dục Việt Nam* và *Lịch sử giáo dục thế giới* ghép lại thành môn ***Lịch sử giáo dục...***

(5) **Một số môn bắt buộc chuyển sang tự chọn và ngược lại** để phù hợp hơn với mục tiêu, chuẩn đầu ra mới của chương trình: chẳng hạn như môn *Thanh Tra giáo dục*; *Quản lý hoạt động phối hợp trong giáo dục...*

(6) **Một số môn loại khỏi chương trình đào tạo** do không còn thích hợp nữa như môn ***Quản lý hành chính nhà nước...***

TRƯỞNG KHOA GIÁO DỤC

HIỆU TRƯỞNG